TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/HNGĐ- ST
Ngày: 10 - 5 - 2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Thu Thủy
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Mậu Hoàn
2. Bà Lê Thị Thủy
- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Phạm Trí Đôn - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Đại diện VKSND huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Sơn, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2019/TLST - HNGĐ ngày 08/3/2019 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 01/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Vũ T - sinh năm 1991. (Có mặt)
Địa chỉ: xã Y, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị P - sinh năm 1991. (Có mặt)
Địa chỉ: xã Y, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2019, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyênđơn anh Lê Vũ T trình bày:***

- Về hôn nhân: Anh Lê Vũ T và chị Trần Thị P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa ngày 06/6/2013. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là từ khi chị P sinh cháu thứ nhất xong và đi làm tại Công ty giầy ARESA tại khu công nghiệp Lễ Môn, thành phố Thanh Hóa thì có quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác trên mức tình cảm bạn bè, đặc biệt là thái độ và cách sống vô cảm, thiếu trách nhiệm, thiếu quan tâm đến gia đình, có thái độ vô lễ với bố mẹ chồng, vợ chồng thường xuyên bất đồng

về quan điểm, tính cách trái ngược nhau. Cuộc sống liên tục phát sinh mâu thuẫn, cho đến khi sinh cháu thứ hai năm 2017 mặc dù anh T đã cố gắng, nhiều lần tha thứ cho chị P, nhưng chị P vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được hai bên gia đình dàn xếp nhưng không có kết quả. Hiện nay vợ chồng sống chung nhà với bố mẹ anh, nhưng không ngủ cùng nhau, không ai quan tâm đến ai từ tháng 12 năm 2018 đến nay. Nay anh Lê Vũ T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị P.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Văn Vũ S - sinh ngày 13/10/2013 và Lê Văn Vũ N - sinh ngày 20/11/2017. Nguyện vọng của anh T khi ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cháu Lê Văn Vũ S, chị Trần Thị P nuôi cháu Lê Văn Vũ N và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại bản tự khai ngày 22/3/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Trần Thị P trình bày:***

- Về hôn nhân: Thời gian địa điểm kết hôn cũng như đăng ký kết hôn giữa chị và anh Lê Vũ T như anh T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do sau khi chị sinh con thứ nhất, anh T không có trách nhiệm bỏ bê vợ con và không chăm lo cho gia đình. Sau khi mâu thuẫn vợ chồng đã hòa hợp được, cho đến khi chị sinh cháu thứ hai năm 2017 thì vợ chồng lại tiếp tục mâu thuẫn, mỗi người một quan điểm, tính tình trái ngược nhau. Vợ chồng hiện nay vẫn ở chung nhà cùng bố mẹ chồng, nhưng không ngủ cùng nhau, việc ai người đó làm. Nay anh T làm đơn xin ly hôn, chị P xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, hơn nữa các con đang còn nhỏ cần sự chăm sóc của cả hai vợ chồng nên chị không đồng ý ly hôn.

- Về con cái: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Văn Vũ S - sinh ngày 13/10/2013 và Lê Văn Vũ N - sinh ngày 20/11/2017.

Nguyện vọng của chị P là không muốn ly hôn. Nhưng nếu buộc phải ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) một tháng.

- Về tài sản: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay, nợ: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, chị P không đồng ý ly hôn.

* Đại diện VKS phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Quá trình thiết lập hồ sơ vụ án, Thẩm phán và HĐXX đã thực hiện đúng theo quy định tại điều 48,49 Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đúng quy định tại điều 70,71,72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Căn cứ điều 51,56,57,58,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 3; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX chấp nhận anh Lê Vũ T được ly hôn chị Trần Thị P. Về con chung: Giao anh Lê Vũ T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Văn Vũ S, chị Trần Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Văn Vũ N và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Anh Lê Vũ T phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về tố tụng: Anh Lê Vũ T khởi kiện về việc xin ly hôn với chị Trần Thị P và cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu xin ly hôn. Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn thụ lý vụ án " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" là đúng quy định và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Trong vụ án này Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng Dân sự, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

{2} Về hôn nhân: Anh Lê Vũ T và chị Trần Thị P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa ngày 06/6/2013 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuY cãi nhau, anh T cho rằng mâu thuẫn trầm trọng là sau khi sinh con thứ nhất, cho đến đến năm 2015 chị P đi làm tại Công ty giầy ARESA tại khu Công nghiệp Lễ Môn, thành phố Thanh Hóa thì có quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác trên mức tình cảm bạn bè, đặc biệt là thái độ và cách sống vô cảm, thiếu trách nhiệm, thiếu quan tâm đến gia đình, có thái độ vô lễ với bố mẹ chồng. Cuộc sống liên tục phát sinh mâu thuẫn, cho đến khi sinh cháu thứ hai năm 2017 mặc dù anh đã cố gắng, nhiều lần tha thứ cho chị P, nhưng chị P vẫn không thay đổi. Tuy vợ chồng vẫn sống chung nhà với bố mẹ anh T, nhưng không ngủ cùng nhau, không ai quan tâm đến ai, việc ai người đó làm, không hỏi han nhau. Chị P thì cho rằng sau khi chị sinh con thứ nhất và ngay cả đến khi sinh con thứ hai năm 2017 anh T không có trách nhiệm, bỏ bê vợ con và không chăm lo cho gia đình, trong cuộc sống thì vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm sống, mỗi người một tính cách, tuy ở chung nhà với bố mẹ chồng, nhưng anh T và chị P không ngủ cùng nhau, không ai quan tâm đến ai, không nói chuyện cùng nhau, chị P nếu nói chuyện với anh T thì nhắn tin bằng điện thoại. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải, dàn xếp nhưng không có kết quả.

HĐXX thấy rằng: Anh T và chị P đều thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng cũng luôn bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, mỗi người đều có lý lẽ riêng của mình. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn, chị P có quan điểm không đồng ý ly hôn, nhưng chị P lại không

không tìm ra các biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng, dẫn đến việc anh T vẫn không muốn quay về đoàn tụ. Vì vậy HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị P không thể hàn gắn được nữa nên chấp nhận yêu cầu của anh T, xử cho anh được ly hôn với chị P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

{3} Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Văn Vũ S - sinh ngày 13/10/2013 và Lê Văn Vũ N - sinh ngày 20/11/2017. Anh T có nguyện vọng được nuôi cháu Lê Văn Vũ S, chị Trần Thị P nuôi cháu Lê Văn Vũ N và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Trần Thị P có nguyện vọng được nuôi cả hai con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) một tháng. HĐXX xét thấy nguyện vọng xin được nuôi con của anh T và chị P là chính đáng, điều kiện hoàn cảnh nuôi con của mỗi bên như nhau. Tuy nhiên cháu N hiện nay mới hơn một tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: " Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con". Vì vậy cần giao cháu Lê Văn Vũ N cho chị Trần Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh Lê Vũ T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Văn Vũ S và không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

{4} Về tài sản: Anh Lê Vũ T và chị Trần Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

{5} Về vay nợ: Anh Lê Vũ T và chị Trần Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

{6} Về án phí: Anh Lê Vũ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 57,58,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 3; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của anh Lê Vũ T

Xử:

- Về hôn nhân: Anh Lê Vũ T được ly hôn chị Trần Thị P.

- Về con chung: Anh Lê Vũ T và chị Trần Thị P có 02 con chung là Lê Văn Vũ S - sinh ngày 13/10/2013 và Lê Văn Vũ N - sinh ngày 20/11/2017.

Giao cháu Lê Văn Vũ S cho anh Lê Vũ T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Giao cháu Lê Văn Vũ N cho chị Trần Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Lê Vũ T và chị Trần Thị P không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Vũ T và chị Trần Thị P có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

- Về tài sản: Anh Lê Vũ T và chị Trần Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ: Anh Lê Vũ T và chị Trần Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Lê Vũ T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh T đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0001725 ngày 08/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Sơn. Anh Lê Vũ T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt anh Lê Vũ T và chị Trần Thị P. Anh T và chị P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND H Đông Sơn;
- Chi cục THADS huyện Đông Sơn;
- UBND xã Y, H Đông Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đào Thị Thu Thủy

HỘI ĐỒNG XÉT SỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Hằng **Nguyễn Văn Long** **Đào Thị Thu Thủy**